

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị
định quy định về xử phạt VPHC
trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Văn bản số 4463/BTNMT-TTr ngày 09/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định); sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Bình Định cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình của Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ ban hành Nghị định và có một số ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo Nghị định, đảm bảo nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật, cụ thể như sau:

1. Về căn cứ ban hành

1.1. Đề nghị bổ sung “*Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015*” và “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020*” cho đầy đủ căn cứ pháp lý ban hành văn bản.

1.2. Điểm b khoản 4 Điều 34 quy định về xử phạt đối với hành vi “*Đổ chất thải rắn từ đất liền xuống biển mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định*”: Việc đổ chất thải từ đất liền xuống biển thuộc hoạt động nhận chìm ở biển, thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015. Do đó, đề nghị xem xét, bổ sung căn cứ ban hành “*Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015*” cho đầy đủ căn cứ ban hành văn bản.

2. Về nội dung dự thảo Nghị định

Qua rà soát, UBND tỉnh Bình Định đề nghị cần rà soát lại một số quy định, điều khoản viện dẫn còn thiếu, chưa đồng bộ với dự thảo đã lấy ý kiến góp ý (dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các dự thảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về nước thải, khí thải).

2.1. Khoản 16 Điều 3 về “*Giải thích từ ngữ*” của dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có giải thích: “*Báo cáo đánh giá tác động môi trường là tên gọi chung cho báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ, báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết, báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung, báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đề án bảo vệ môi trường đơn giản, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, cam kết bảo vệ môi*”

trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”. Tuy nhiên, khoản 9 Điều 3 về “Giải thích từ ngữ” của dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường có giải thích: “Đăng ký môi trường quy định tại Nghị định này được hiểu là: Kế hoạch bảo vệ môi trường bao gồm: Bản kê khai các hoạt động sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường; đề án bảo vệ môi trường được xác nhận; đề án bảo vệ môi trường đơn giản; bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; bản cam kết bảo vệ môi trường và bản kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 1993, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 có tiêu chí môi trường tương đương đối tượng phải đăng ký môi trường quy định tại khoản 1 và 2 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đăng ký môi trường”. Giữa dự thảo 02 Nghị định của Chính phủ có sự không đồng nhất trong việc giải thích từ ngữ để làm căn cứ xác định hành vi “vi phạm quy định về thực hiện nội dung đăng ký môi trường” hoặc hành vi “vi phạm quy định về đánh giá tác động môi trường” đối với các tổ chức, cá nhân đã được xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường và bản kế hoạch bảo vệ môi trường. Do đó, đề nghị rà soát, thống nhất.

2.2. Khoản 2 Điều 5 quy định thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính có nội dung: “a) Các hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9, điểm i khoản 1, điểm i khoản 2 điểm i khoản 3 Điều 11, điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 điểm d khoản 3 điều 12, điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 13 của Nghị định này là hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện và thời hiệu xử phạt được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm”. Đề nghị rà soát lại các điểm i khoản 1, điểm i khoản 2, điểm i khoản 3 Điều 11; điểm d khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 13, vì các nội dung này không có trong dự thảo.

2.3. Tại khoản 4 Điều 7 quy định về xác định tải lượng nước thải có nội dung: “Tải lượng nước thải quy định tại Điều 17, Điều 18 của Nghị định này là **tổng khối lượng nước thải** xả ra môi trường tính trong một ngày (24 giờ). Trường hợp không xác định được tải lượng nước thải thì tải lượng được tính theo lưu lượng nước thải tại thời điểm lấy mẫu nhân với 24 giờ. Trường hợp xả nước thải vào môi trường đất, nước dưới đất, nước mặt (ao, hồ, hố,... trong khuôn viên của cơ sở) khi tính số lần vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, giá trị nguồn tiếp nhận Kq được tính bằng 0,6 theo quy chuẩn kỹ thuật đó”. Đề xuất sửa lại như sau “Tải lượng nước thải quy định tại Điều 17, Điều 18 của Nghị định này là **tổng lượng nước thải (tính bằng m³)** xả ra môi trường tính trong một ngày (24 giờ). Trường hợp không xác định được tải lượng nước thải thì tải lượng được tính theo lưu lượng nước thải tại thời điểm lấy mẫu nhân với thời gian xả thải...”, đồng thời bổ sung thêm các quy định để xác định lưu lượng xả thải khác (theo hồ sơ môi trường...), vì có nhiều cơ sở xả thải (mương, tràn...) không thể đo đạc được lưu lượng. Bên cạnh đó, dự thảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải sắp ban hành không quy định hệ số Kq, do đó đề nghị diễn giải khác nhưng vẫn thống nhất giới hạn tối đa của chất ô nhiễm khi thải vào môi trường đất (cả trong và ngoài

khuôn viên của cơ sở) và môi trường nước dưới đất, nước mặt trong khuôn viên của cơ sở bằng 60% khi thải vào các nguồn tiếp nhận đúng quy định.

2.4. Khoản 5 Điều 11 quy định các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm quy định về Giấy phép môi trường: Đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả là *“Buộc công khai giấy phép môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này”*.

2.5. Khoản 5 Điều 13 quy định hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong triển khai xây dựng dự án hoặc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể:

Đối với nội dung *“a) Đình chỉ hoạt động triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án/cơ sở mà không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều này”*: Việc triển khai xây dựng dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà trong lúc thực hiện có những hành vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 13, là những dự án lớn và những hành vi này sẽ gây tác động xấu đến môi trường, xã hội, do đó đề nghị quy định về đình chỉ đối với các dự án có các hành vi này. Đề nghị rà soát nội dung dự thảo Nghị định vì khoản 3 Điều 13 không có điểm c và những hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 sẽ bị đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 12 tháng theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 13 dự thảo Nghị định.

- Đối với nội dung *“b) Đình chỉ hoạt động triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án/cơ sở mà không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều này”*: Thời gian đình chỉ từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi này là quá lâu nên cần xem xét điều chỉnh thời gian đình chỉ ngắn hơn (3 tháng đến 6 tháng), tạo điều kiện thuận lợi để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động trở lại sau khi đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; đề nghị rà soát lại nội dung dự thảo Nghị định vì khoản 3 Điều 13 không có điểm d và những hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 sẽ bị đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 12 tháng theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 13 dự thảo Nghị định.

- Đối với nội dung *“c) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này”*: Thời gian đình chỉ từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi này là quá lâu nên cần xem xét điều chỉnh thời gian đình chỉ ngắn hơn, tạo điều kiện thuận lợi để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động trở lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cho phép hoạt động trở lại, vì các dự án này không thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

2.6. Khoản 6 Điều 13 quy định các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong triển khai xây dựng dự

án hoặc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể:

- Đối với nội dung “a) Buộc phải có biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm tại các điểm c, d khoản 1, điểm c, d khoản 2 và điểm c, d khoản 3 Điều này”: Đề nghị rà soát và điều chỉnh từ “điểm c, d khoản 1, điểm c, d khoản 2 và điểm c, d khoản 3 Điều này” thành “điểm b, c, d khoản 1, điểm b, c, d khoản 2 Điều này” để phù hợp với tính chất của hành vi vi phạm, đồng thời rà soát lại nội dung dự thảo Nghị định vì khoản 3 Điều 13 không có điểm c, d.

- Đối với nội dung “d) Buộc phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường...”: Đề nghị rà soát lại, vì quy định này có trong Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, nhưng chưa có trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối với nội dung tại các điểm b, c, d, đ khoản 6 Điều 13: Đề nghị rà soát lại nội dung dự thảo Nghị định vì khoản 3 Điều 13 không có điểm a, c, d; khoản 4, 5 Điều 13 không có điểm d; khoản 5 Điều 13 quy định về hình thức xử phạt bổ sung, không quy định về hành vi vi phạm.

2.7. Khoản 6 Điều 14 quy định về biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có đăng ký môi trường hoặc giấy phép môi trường, cụ thể:

- Đối với nội dung “a) Buộc phải có biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm tại các điểm b và c khoản 1, điểm b và c khoản 2, điểm b và c khoản 3, điểm b và c khoản 4, điểm b và c khoản 5 và khoản 6 Điều này”: Đề nghị rà soát và điều chỉnh từ “điểm b và c khoản 1, điểm b và c khoản 2, điểm b và c khoản 3, điểm b và c khoản 4, điểm b và c khoản 5 và khoản 6 Điều này” thành “điểm b, c khoản 1, điểm b, c, d khoản 2, điểm b, c, d khoản 3, điểm b, c, d khoản 4 Điều này” để phù hợp với tính chất của hành vi vi phạm, đồng thời rà soát lại nội dung dự thảo Nghị định vì khoản 5 Điều 14 không có điểm c. Đồng thời điểm b, c khoản 5 và khoản 6 Điều 14 quy định về hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả, không quy định về hành vi vi phạm.

- Đối với nội dung “b) Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt

vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này”: Đề nghị xem xét, bổ sung thêm Điểm a Khoản 4 Điều 14.

- Đối với nội dung “c) Buộc di dời dự án, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án, cơ sở không phù hợp với quy hoạch được phê duyệt”: Đề nghị xem xét, bổ sung thêm điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4.

2.8. Khoản 6 Điều 14 chưa quy định buộc xây dựng hệ thống xử lý khí thải, nước thải, bụi thải đạt quy chuẩn kỹ thuật đối với các hành vi vi phạm không có hệ thống xử lý khí thải, nước thải, bụi thải đạt quy chuẩn kỹ thuật tại điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 14. Do đó, đề nghị bổ sung thêm quy định này.

2.9. Khoản 3 Điều 15 quy định hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có nội dung: “i) Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không kiến nghị xử lý trong trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân”: Đề nghị xem xét quy định này, vì mức phạt tương đối cao.

2.10. Đề nghị tách hành vi “không di dời để bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường” tại điểm e khoản 5 Điều 15, vì nội dung nêu trên không cùng tính chất vi phạm đối với các nội dung còn lại của điểm e khoản 5 và đảm bảo phù hợp với biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản 6 Điều 15.

2.11. Các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 7 Điều 15 chưa đầy đủ, phù hợp với từng hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 15. Do đó, đề nghị thảo rà soát, bổ sung cho phù hợp.

2.12. Khoản 1 Điều 24 quy định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường, có nội dung: “Phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gần khu vực dân cư, sân bay, các tuyến giao thông chính”: Khoản 4 Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có nội dung “**Phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định; không đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường**”, do đó, để đảm bảo tính toàn diện, đề nghị xem xét, quy định xử phạt đối với toàn bộ các hành vi đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường.

2.13. Khoản 2 Điều 25 quy định xử phạt hành vi vi phạm của chủ đầu tư dự án, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư cao tầng, tòa nhà văn phòng với mức phạt tiền “từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí đủ thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt”, “từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức thu gom chất thải từ hộ gia đình, cá nhân theo quy định; không chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt”: Mức phạt đề xuất đối với hành vi nêu trên tương đối cao, đề nghị xem xét, giảm khung phạt tiền để phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

2.14. Khoản 5 Điều 25 quy định xử phạt đối với hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý: Đề nghị phân định nhỏ các khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dưới 1.000kg để đảm bảo tính thực tiễn khi áp dụng. Vì trên thực tế, tình trạng người dân vi phạm hành vi này là tương đối nhiều, đặc biệt là ở vùng nông thôn và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt vi phạm thường rất nhỏ. Do đó, để đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn và đảm bảo răn đe thì cần phân định thành nhiều mức phạt với các khối lượng chất thải nhỏ hơn.

Bên cạnh đó, điểm b khoản 8 Điều 25 có nội dung “b) Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 5 Điều này” là không phù hợp với mức độ nguy hiểm của hành vi, gây khó khăn trong thực tế áp dụng, không đảm bảo tính “khách quan và nhân đạo” của pháp luật. Đề nghị cần xác định rõ mức độ hành vi để áp dụng biện pháp tịch thu phương tiện, tang vật vi phạm (đề xuất áp dụng biện pháp này đối với hành vi vi phạm với khối lượng chất thải rắn sinh hoạt từ 5.000kg trở lên). Đồng thời, đề xuất bổ sung hình thức xử phạt bổ sung tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều 25, do đó chỉnh sửa thành điểm b khoản 8 Điều 25 như sau: “b) Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm e, g, h, i, k, l, m, n khoản 5 và khoản 7 Điều này”.

2.15. Điều 26 quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm các quy định về thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải chất thải rắn công nghiệp thông thường, có nội dung: “8. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng dưới 300kg/ngày và lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân thì việc xử lý hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Nghị định này như đối với tổ chức”: Đây là nội dung quy định về xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm các quy định về thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong khi đó Điều 26 quy định các hành vi vi phạm các quy định

về thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải chất thải rắn công nghiệp thông thường, do đó đề nghị xem xét, rà soát chỉnh sửa cho phù hợp.

2.16. Khoản 1 Điều 27 quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy, có nội dung: “*đ) Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy vượt quá giới hạn tối đa cho phép theo quy định của pháp luật, trừ hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này*”: Tuy nhiên, Điều 27 không có điểm a khoản 2, đề nghị rà soát nội dung dự thảo Nghị định và có chỉnh sửa phù hợp.

2.17. Đề nghị rà soát lại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 31 dự thảo Nghị định, vì có nội dung giống nhau.

2.18. Điều 65 quy định về phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Đề nghị bổ sung thêm thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã đối với các hành vi quy định tại khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 25; bổ sung thêm thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với các hành vi quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k khoản 5 Điều 25 để mở rộng thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện đối với các hành vi vi phạm xảy ra phổ biến tại địa phương.

Điểm a khoản 1 Điều này quy định “*Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 12 Điều 13...*”. Tuy nhiên, trong nội dung dự thảo Nghị định Điều 13 không có khoản 12, đề nghị rà soát nội dung dự thảo Nghị định và có chỉnh sửa phù hợp.

2.19. Về biện pháp xử phạt bổ sung, đề nghị xem xét xác định trường hợp đình chỉ hoạt động toàn bộ dự án và trường hợp chỉ cần đình chỉ các hạng mục gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo các hoạt động còn lại của dự án.

3. Về thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản

3.1. Khoản 3 Điều 4 quy định về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả có nội dung: “*q) Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và camera theo dõi; truyền số liệu quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và camera theo dõi trực tiếp cho Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định...*”: Đề nghị điều chỉnh từ “*camera*” thành từ “*hình ảnh*” để phù hợp với cách sử dụng từ ngữ trong soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy định tại khoản 1, 2 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.2. Điểm u khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 31 có cụm từ “*thực số lượng*” chưa rõ nghĩa, đề nghị rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.

3.3. Khoản 4 Điều 12 quy định hình thức xử phạt bổ sung đối với các vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án, có nội dung: “*b) Đình chỉ hoạt động có liên quan đến công trình vận hành thử nghiệm của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 và điểm 3 khoản 3 Điều này*”: Đề nghị rà soát lại nội dung dự thảo Nghị định và có điều chỉnh phù hợp.

3.4. Khoản 5 Điều 15 quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có nội dung: “*d) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm: thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động) hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc không khắc phục sự cố hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không khắc phục sự cố hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”: Đề nghị bỏ cụm từ “*không khắc phục sự cố hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*” bị trùng lặp.

3.5. Thay từ “*tháo dỡ*” bằng từ “*phá dỡ*” tại từng biện pháp khắc phục hậu quả của dự thảo Nghị định cho phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020.

Trên đây là một số góp ý đối với Dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh